

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MIRAELO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MIRAELO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIRAELO VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108349607

3. Ngày thành lập: 04/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 74 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: miraelovietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây chè	0127
2.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng)	2420
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
8.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
9.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
10.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
11.	Thu gom rác thải độc hại	3812
12.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
13.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự)	4312
14.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

18.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
19.	Giáo dục tiểu học (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8520
20.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị dùng trong xây dựng	7730
24.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động tìm kiếm, tuyển chọn và thay thế lao động, những người lao động không làm trong công ty môi giới; - Nghiên cứu nhân sự, tuyển chọn và thay thế bao gồm cả quản lý; - Dịch vụ việc làm bao gồm: tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động	7810
25.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
26.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
27.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
28.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
29.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
30.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
33.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
34.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
35.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
39.	Khai thác quặng sắt	0710
40.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
41.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
42.	Sản xuất giày dép	1520
43.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
44.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

45.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
46.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
49.	In ấn	1811
50.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
51.	Sao chép bản ghi các loại	1820
52.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ loại nhà nước cấm)	2011
53.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
54.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
56.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
59.	Xây dựng công trình công ích	4220
60.	Phá dỡ	4311
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
64.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
65.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
69.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
70.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
71.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
72.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
73.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8531
74.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
77.	Chăn nuôi lợn	0145
78.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

79.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
80.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng)	2432
81.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (Trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2511
82.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
83.	Tái chế phế liệu	3830
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh.)	8230
86.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không,...	0129
87.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
88.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
89.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
90.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
91.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
92.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
95.	Lập trình máy vi tính	6201
96.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
97.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
98.	Giáo dục mầm non (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8510
99.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
100.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
101.	Trồng lúa	0111
102.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
103.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
104.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
105.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
106.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

107.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); v,v..	0119
108.	Trồng cây ăn quả	0121
109.	Trồng cây cà phê	0126
110.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
111.	Chăn nuôi gia cầm	0146
112.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;	0149
113.	Khai thác thủy sản biển	0311
114.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
115.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
116.	Khai thác muối	0893
117.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
118.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
119.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
120.	Đúc sắt, thép	2431
121.	Sản xuất xe có động cơ	2910
122.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
123.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
124.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
125.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
126.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
127.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
128.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
129.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
130.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
131.	Bán buôn đồ uống	4633
132.	Cho thuê xe có động cơ	7710
133.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
134.	Sản xuất đồng hồ	2652
135.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
136.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

137.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
138.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
139.	Bưu chính	5310
140.	Chuyển phát	5320

6. Vốn điều lệ: 15.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN KIÊN	Số nhà 11, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	533.520	5.335.200.000	34,200	031725271	
			Tổng số	533.520	5.335.200.000	34,200		
2	PHẠM THỊ NGỌC	Số nhà 11, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.600	2.106.000.000	13,500	031557990	
			Tổng số	210.600	2.106.000.000	13,500		
3	PHẠM VĂN CHUNG	Số nhà 11, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	815.880	8.158.800.000	52,300	031087002100	
			Tổng số	815.880	8.158.800.000	52,300		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031557990

Ngày cấp: 25/11/2011

Nơi cấp: Công an Thành phố Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 11, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 11, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội